

Số: 1394/QĐ-UBND

Nga Sơn, ngày 04 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán khảo sát xây dựng công trình: Đường giao thông từ Khánh Trang đi đường trục xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Văn bản số 3482/BXD-HĐXD ngày 30/12/2014 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông từ Khánh Trang đi đường trục xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn về việc giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án công trình: Đường giao thông từ Khánh Trang đi đường trục xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Hồ sơ và kèm theo Tờ trình số 152/TTr-BQL ngày 26/6/2017 của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán khảo sát xây dựng công trình: Đường giao thông từ Khánh Trang đi đường trục xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và hạ tầng huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán khảo sát xây dựng công trình: Đường giao thông từ Khánh Trang đi đường trục xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:



**1. Tên dự án:** Đường giao thông từ Khánh Trang đi đường trục xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

**2. Địa điểm xây dựng:** Xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

**3. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Nga Sơn;

**4. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn.

**5. Đơn vị lập đề cương nhiệm vụ khảo sát và dự toán:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn.

**6. Nội dung chính của nhiệm vụ khảo sát xây dựng:**

**6.1. Mục đích khảo sát:**

*6.1.1. Phạm vi nghiên cứu của dự án:*

Đường giao thông từ Khánh Trang đi đường trục xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn có chiều dài khoảng 1,2 km gồm tuyến chính và tuyến nhánh.

+ *Tuyến chính:* Chiều dài 1,10 km là mặt đường láng nhựa rộng 3,0m có điểm đầu từ Ngã tư Khánh Trang; điểm cuối giao với đường bê tông nội đồng. Chia làm 3 đoạn:

\* Đoạn 1: Từ ngã tư Khánh Trang - Đầu làng (Vị trí cột điện) có chiều dài khoảng 300m, chiều rộng nền đường 5,0m-6,0m, là mặt đường láng nhựa rộng 3,0m; hai bên là ruộng màu;

\* Đoạn 2: Từ đầu làng-Ngã tư giao với đường nhựa có chiều dài khoảng 620m, chiều rộng nền đường từ 5,0m-5,5m, là mặt đường láng nhựa rộng 2,8m-3,0m; hai bên là dân cư đông đúc;

\* Đoạn 3: Từ Ngã tư giao với đường nhựa-đường bê tông nội đồng (ngã ba) có chiều dài khoảng 180m, chiều rộng nền đường từ 4,0m-5,0m, là mặt đường láng nhựa, bên phải là dân cư, bên trái là ruộng màu.

+ *Tuyến nhánh:* Có điểm đầu giao với tuyến chính 1 tại Km0+810; điểm cuối giao với đường bê tông trước khu Chùa; Chiều dài khoảng 100m, đang là đường đất nền đường rộng từ 5,0m-6,0m.

*6.1.2. Nhiệm vụ điều tra cơ bản:*

+ Điều tra thu thập các tài liệu về Kinh tế - Xã hội, các quy hoạch có liên quan đến dự án:

- Cập nhật số liệu về kinh tế xã hội, định hướng phát triển kinh tế, quy hoạch các khu đô thị, khu tái định cư dọc theo tuyến, các dự án phát triển thủy lợi, của địa phương nơi tuyến đi qua.

+ Điều tra thu thập về mặt tài chính:

- Định mức đơn giá xây dựng cơ bản, thông báo giá mới nhất của địa phương.

- Điều tra thu thập các loại giá cả liên quan đến hoạt động GTVT như giá nhân công, vật liệu, nhiên liệu, phụ tùng.

- Thu thập các quy định về khấu hao các loại phương tiện vận tải, bốc xếp.

- Điều tra thu thập các loại giá dịch vụ vận tải (cước hàng, cước bốc xếp), các loại phí (phí cầu đường, phí bảo hiểm), các loại chi phí tai nạn giao thông.

- Cung cấp tài liệu, số liệu có liên quan như: Bình đồ tuyến, mặt cắt dọc, cắt ngang, các công trình trên tuyến... phục vụ cho việc thiết kế công trình.

## **6.2. Nội dung nhiệm vụ khảo sát phục vụ thiết kế:**

### *6.2.1. Khảo sát địa hình:*

Dựa trên hồ sơ khảo sát, và các tuyến đường giao cắt xác định được các vị trí khống chế tuyến đường đi qua (vị trí các nút giao, các vị trí bắt buộc cần phải khống chế cao độ ...). Tư vấn triển khai công tác khảo sát bình đồ tuyến TL 1/1000 và khảo sát bước lập thiết kế bản vẽ thi công.

Công tác khảo sát địa hình bao gồm các hạng mục chủ yếu sau:

- Bình đồ hiện trạng tuyến tỷ lệ 1/1000.

- Khảo sát đo đạc tuyến: Đo trắc dọc, trắc ngang tuyến.

#### *a. Mốc cao độ giả định:*

Lưới thủy chuẩn kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp đo cao hình học bằng máy thủy bình Tôcôp AT-L6 hoặc máy có độ chính xác tương đương. Sai số trong giới hạn quy trình 22TCN263-2000.

*Khối lượng dự kiến thực hiện: 03 điểm*

#### *b. Đo vẽ bình đồ tuyến tỷ lệ 1/1000:*

- Phạm vi đo vẽ bình đồ dọc tuyến, từ tim sang mỗi bên 25m;

- Trên bình đồ này yêu cầu thể hiện đầy đủ địa hình, địa vật, các công trình nổi, công trình ngầm, đường giao thông, nhà cửa hệ thống cọc mốc...

*Khối lượng dự kiến thực hiện:  $1.200 \times 50 / 10.000 = 6,0$  ha*

Phương án thực hiện khảo sát tuyến gồm:

#### *c. Phóng tuyến, định đỉnh, đóng công:*

- Căn cứ vào tuyến thiết kế trên bình đồ đã được duyệt, cắm tuyến ngoài thực địa, định đỉnh, đóng công, tuyến thiết kế đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

#### *d. Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến:*

- Tỷ lệ cao 1/100, dài 1/1000; Cắt dọc phản ánh đúng địa hình thiên nhiên, vị trí cầu, cống, đường giao, đường điện được thể hiện bằng các cọc trên địa hình như cọc H; cọc địa hình, cọc Km, khoảng cách giữa các cọc  $\leq 25$ m;

- Đo vẽ mặt cắt dọc tỷ lệ 1/200; dài 1/1000 tại tất cả các cọc, trên mặt cắt dọc thể hiện đúng địa hình thiên nhiên, vị trí cầu cống, đường giao, đường điện, đường điện thoại và các công trình khác;

- Khối lượng dự kiến thực hiện: 1.200m.

e. Đo vẽ mặt cắt ngang:

- Đo vẽ mặt cắt ngang tỷ lệ 1/200, rộng về mỗi phía tuyến 10m (đối với tuyến nhánh và tuyến chính). Đo mặt cắt ngang tại tất cả các cọc có trên trắc dọc, số lượng khoảng 70 mặt cắt.

- Khối lượng dự kiến:  $70 \text{ mặt cắt} \times 20 \text{ m/mc} = 1.400 \text{ m}$ .

### 6.3. Khảo sát vật liệu xây dựng:

- Điều tra nguồn các loại vật liệu: Đất, đá, cát. Xác định vị trí, địa danh các mỏ vật liệu, đánh giá sơ bộ về chất lượng, trữ lượng của các mỏ, khả năng khai thác, điều kiện, cự ly vận chuyển đến công trình.

- Khối lượng dự kiến: 02 công.

### 6.4. Khối lượng dự kiến:

TT	Tên công tác	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng
1	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp III	km	$1200/1000=1,2$	1,2
2	Mốc cao độ giả định	Điểm	03	03
3	Bình đồ tỷ lệ 1/1000 đường đồng mức 1m cấp địa hình III	100ha	$1200 \times 50 / 10000 / 100$	0,06
4	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn cấp địa hình III, tỷ lệ 1/1000; 1/100	100m	$1200/100=12$	12,0
5	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn cấp địa hình III	100m	$70 \times 20 / 100$	14,0
6	Điều tra thu thập số liệu về điều kiện kinh tế, xã hội; bãi đổ thải, mỏ vật liệu...(Nhân công bậc 4/7)	công	02	02

**6.5. Kinh phí khảo sát (dự kiến):** 69.060.421 đồng.

(Số tiền bằng chữ: Sáu mươi chín triệu, không trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm hai mươi một đồng)

(Có dự toán thâm định chi tiết kèm theo)

### 7. Nhiệm vụ của đơn vị tư vấn:

Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng công trình phục vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công xây dựng theo Điều 13 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

**8. Thời gian thực hiện khảo sát:** 05 ngày.

**9. Nguồn vốn đầu tư:** Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Thanh Hóa hỗ trợ năm 2017; Ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

**10. Thời gian thực hiện:** Quý III, năm 2017.

**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành. Tổ chức quản lý, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ĐHY*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KT&HT.

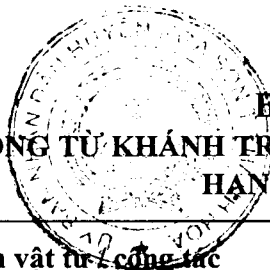
**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
**Trần Ngọc Quyết**



**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HẠNG MỤC ĐÃ THẨM ĐỊNH****CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ KHÁNH TRANG ĐI ĐƯỜNG TRỤC XÃ NGA HÙNG, HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**  
**HẠNG MỤC: KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH**

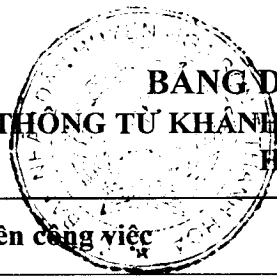
STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	<b>CHI PHÍ TRỰC TIẾP</b>			
1	<b>Chi phí vật liệu</b>	<b>VL</b>	<b>hsvl</b>	<b>1.316.331</b>
	- Đơn giá vật liệu	A1	Theo bảng tiên lượng	1.316.331
	- Chênh lệch vật liệu	CLVL	Theo bảng tổng hợp vật liệu	
	- Hệ số điều chỉnh vật liệu	hsvl	A1 + CLVL	1.316.331
2	<b>Chi phí nhân công</b>	<b>NC</b>	<b>hsnc</b>	<b>30.715.620</b>
	- Đơn giá nhân công	B1	Theo bảng tiên lượng	30.715.620
	- Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng tổng hợp nhân công	
	- Nhân hệ số bù giá nhân công	hsnc	B1 + CLNC	30.715.620
3	<b>Chi phí máy thi công</b>	<b>M</b>	<b>hsm</b>	<b>566.383</b>
	- Đơn giá máy	C1	Theo bảng tiên lượng	288.915
	- Chênh lệch máy thi công	CLM	Theo bảng tổng hợp máy	277.469
	- Nhân hệ số điều chỉnh	hsm	C1 + CLM	566.383
	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>T</b>	<b>VL + NC + M</b>	<b>32.598.334</b>
II	<b>CHI PHÍ CHUNG</b>	<b>C</b>	<b>NC x 70%</b>	<b>21.500.934</b>
III	<b>THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC</b>	<b>TL</b>	<b>(T+C) x 5,5%</b>	<b>2.975.460</b>
	<b>Giá thành khảo sát xây dựng</b>	<b>G</b>	<b>T + C + TL</b>	<b>57.074.728</b>
	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng	G1pa	G x 2%	1.141.495
	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng	G1bc	G x 3%	1.712.242
	Chi phí hạng mục chung (chỗ ở tạm thời + di chuyển máy, thiết bị khảo sát)	Ghmc	G x 5%	2.853.736
	<b>Giá trị dự toán khảo sát trước thuế</b>	<b>Gtt</b>	<b>G+G1pa+G1bc+Ghmc</b>	<b>62.782.201</b>
IV	<b>THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	<b>GTGT</b>	<b>Gtt x 10%</b>	<b>6.278.220</b>
	<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>Gst</b>	<b>Gtt+GTGT</b>	<b>69.060.421</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Gks</b>	<b>Gst</b>	<b>69.060.421</b>

Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn bốn trăm hai mươi một đồng chẵn./.

**BẢNG TỔNG HỢP MÁY**

**CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ KHÁNH TRẠNG ĐI ĐƯỜNG TRỤC XÃ NGA HÙNG, HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**  
**HẠNG MỤC: KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH**

STT	Mã hiệu	Tên vật tư công tác	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc	Giá HT	Chênh lệch	Thành tiền
1	M0032	Bộ đo mia bala	ca	2,7360		2.401	2.401	6.569
2	M0329	Delta 020	ca	1,9200		25.350	25.350	48.672
3	M0344	Đitomat	ca	0,3600		68.193	68.193	24.549
4	M1145	Máy kinh vĩ theo 020	ca	5,4600		18.151	18.151	99.104
5	M1395	Ni 030	ca	0,9120	9.684	9.683	-1	-0,9
6	M13960	Máy thủy chuẩn Ni 030	ca	6,4200		9.683	9.683	62.165
7	M1741	Theo 020	ca	1,2780		18.151	18.151	23.197
8	ZM999	Máy khác	%					13.213
		<b>TỔNG MÁY THI CÔNG</b>						<b>277.469</b>



## BẢNG DỰ TOÁN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ KHÁNH TRẠNG ĐI ĐƯỜNG TRỰC XÃ NGA HƯNG, HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA  
HẠNG MỤC: KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH

STT	MSCV	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu	Nhân công	Máy	Vật liệu	Nhân công	Máy
1	CL.01103	Đo không chế độ cao, thủy chuẩn hạng 3, địa hình C3	km	1,2000	18.464	1.910.051	5.810	22.157	2.292.061	6.972
2	CM.03103	Đo vẽ bản đồ trên cạn, tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m, địa hình C3	100ha	0,0600	725.938	80.222.142	1.076.193	43.556	4.813.329	64.572
3	CK.04303	Đo lưới không chế mặt bằng, đường chuyên cấp 2, địa hình C3	1 điểm	3,0000	30.738	1.928.146	13.357	92.214	5.784.438	40.071
4	CO.01103	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn, địa hình C3	100m	12,0000	35.062	577.036	4.324	420.744	6.924.432	51.888
5	CO.01203	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn, địa hình C3	100m	14,0000	52.690	749.946	8.958	737.660	10.499.244	125.412
6	TT	Điều tra thu thập số liệu về điều kiện kinh tế xã hội; bãi đỗ thái, mô vật liệu	công	2,0000		201.058			402.116	
<b>CỘNG HẠNG MỤC</b>								<b>1.316.331</b>	<b>30.715.620</b>	<b>288.915</b>